





REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.							$0.5 \leq, \leq 6$	$\pm 0.1$
	2022/09/16	Change part	SK25826	Tran Thi Dieu Ly	Phan Phu Quoc	Doan Van Chung	$6 <, \leq 30$	$\pm 0.2$
							$30 <, \leq 120$	$\pm 0.3$
							$120 <, \leq 400$	$\pm 0.5$
							TOLERANCES NOT OTHERWISE	

TOLERANCES NOT OTHERWISE  
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

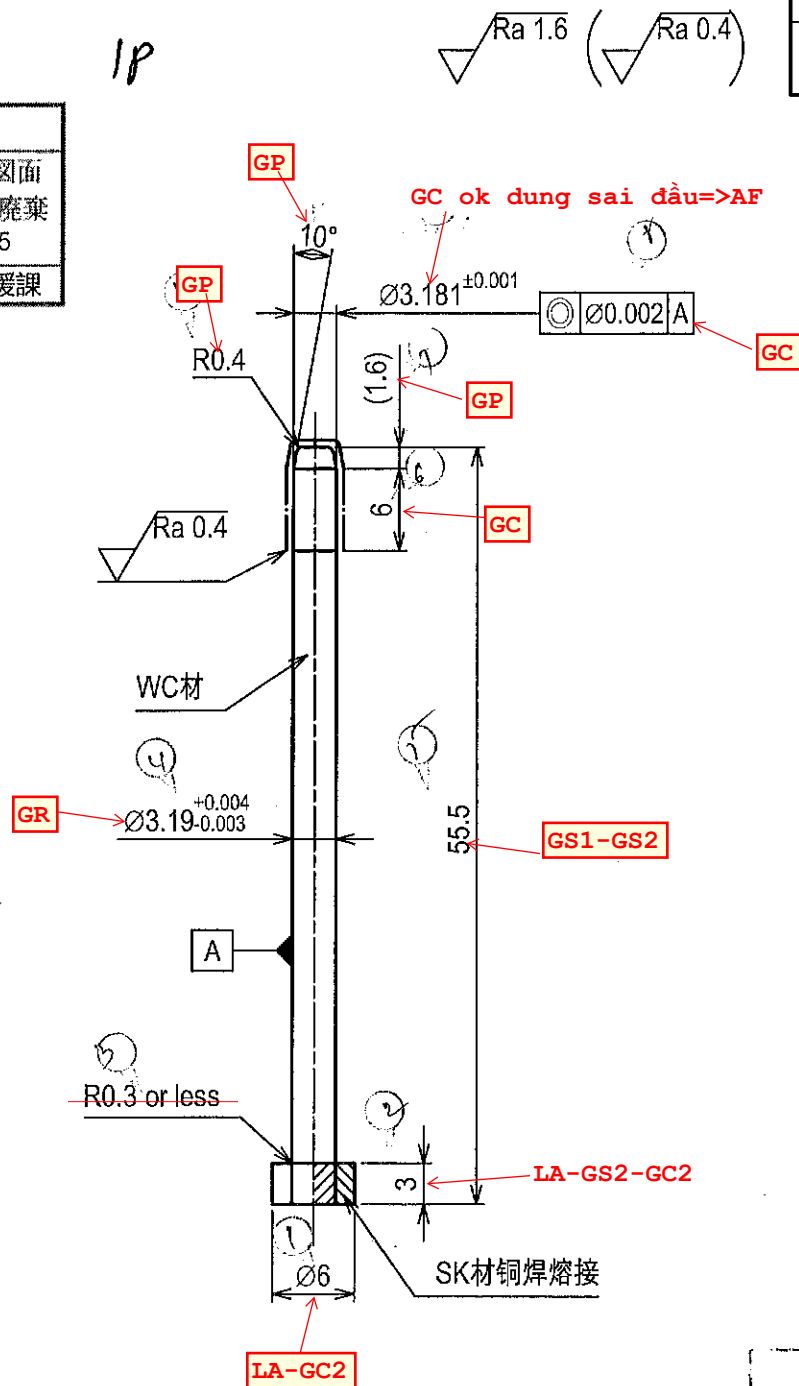
## FINISH MARKS

Non-specified edge  
line C0:5


出图

製作・検収用図面  
検収完了後要廃棄  
2023-05-15

VDM 生産支援課



# S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Van_Nhanh	SK+WC(D30)		部品図	ニードル
DSGND.	SURFACE		PART DRAWING	NEEDLE
Pham_Phu_Quoc			部品図 部品圖	指针 指針
DWN.	QUENCH&TEMPER		SCALE	DATE
Tran_Thi_Dieu_Ly	HRC ~	2.5:1	SIZE	
		A4	2022/09/16	<b>R480995</b>

SNO:

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI

THỜI GIAN CHUẨN 1P

**1.VẬT LIỆU:**

**WCD30**

**Ø4\*60**

**SKS2**

**Ø7\*15**